

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định trình tự, thủ tục thành lập,
chế độ làm việc, trách nhiệm, kinh phí hoạt động và bộ máy giúp việc
của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định trình tự, thủ tục thành lập, chế độ làm việc, trách nhiệm, kinh phí hoạt động và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội (sau đây được viết là Hội đồng quản lý) được tổ chức ở cấp quốc gia, có trách nhiệm giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, giám sát hoạt động của cơ quan bảo hiểm xã hội và tư vấn chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

2. Hội đồng quản lý được sử dụng con dấu hình Quốc huy, có trụ sở tại Thành phố Hà Nội.

3. Hội đồng quản lý có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là Social Security Management Council (viết tắt là SSMC).

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm

Hội đồng quản lý có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

1. Thông qua các nội dung sau đây:

a) Chiến lược phát triển ngành bảo hiểm xã hội, kế hoạch dài hạn, 05 năm về thực hiện chính sách, pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chiến lược đầu tư dài hạn trước khi cơ quan bảo hiểm xã hội trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Kế hoạch hằng năm về thực hiện chính sách, pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế;

c) Các báo cáo hằng năm về việc thực hiện chính sách, pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; tình hình quản lý và sử dụng các quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế trước khi cơ quan bảo hiểm xã hội trình cấp có thẩm quyền;

d) Dự toán hằng năm về thu, chi các quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế; mức chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; báo cáo quyết toán về chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội trước khi cơ quan bảo hiểm xã hội trình cơ quan có thẩm quyền;

đ) Đề án, phương án bảo toàn và tăng trưởng các quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế;

e) Phương án đầu tư hằng năm.

2. Quyết định và chịu trách nhiệm trước Chính phủ về danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư và phương thức đầu tư cụ thể của các quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế trên cơ sở đề nghị của cơ quan bảo hiểm xã hội.

3. Giám sát, kiểm tra việc thực hiện của cơ quan bảo hiểm xã hội về các chiến lược, kế hoạch, đề án sau khi được phê duyệt.

4. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chiến lược phát triển bảo hiểm xã hội, kiện toàn hệ thống tổ chức cơ quan bảo hiểm xã hội, cơ chế quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế.

5. Hằng năm, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả hoạt động, tình hình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và Nghị định này.

6. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 3. Trình tự, thủ tục thành lập và cơ cấu thành phần Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý do Chính phủ thành lập, gồm Chủ tịch là Bộ trưởng Bộ Tài chính; 01 Phó Chủ tịch chuyên trách và các ủy viên.

2. Các ủy viên Hội đồng quản lý gồm:

- a) Thứ trưởng Bộ Nội vụ;
- b) Thứ trưởng Bộ Y tế;
- c) Thứ trưởng Bộ Quốc phòng;
- d) Thứ trưởng Bộ Công an;
- đ) Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- e) Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;
- g) Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam;
- h) Phó Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- i) Phó Chủ tịch Liên minh hợp tác xã Việt Nam;
- k) Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

3. Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách và các ủy viên của Hội đồng quản lý theo đề nghị của Bộ Nội vụ; nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý là 05 năm.

Điều 4. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể; họp thường kỳ 03 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quy định tại Điều 2 Nghị định này. Đối với một số vấn đề không nhất thiết phải thảo luận tại cuộc họp thì Chủ tịch Hội đồng quản lý quyết định việc lấy ý kiến bằng văn bản từng thành viên Hội đồng quản lý. Hội đồng quản lý có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách khi Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng quản lý hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý đề nghị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng quản lý được Chủ tịch Hội đồng uỷ quyền có trách nhiệm triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng quản lý, chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung và tài liệu phục vụ cuộc họp. Nội dung và các tài liệu cuộc họp phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản lý trước ngày họp ít nhất 05 ngày làm việc.

Các thành viên Hội đồng quản lý có trách nhiệm nghiên cứu, chuẩn bị đề đóng góp ý kiến vào quá trình thảo luận và ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản lý. Trường hợp cần thiết, căn cứ vào tình hình thực tế và nội dung họp đối với những vấn đề cụ thể, Chủ tịch Hội đồng quản lý có thể mời thêm đại diện lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị có liên quan hoặc một số chuyên gia, nhà nghiên cứu khoa học phù hợp tham gia phiên họp về nội dung cụ thể đó, thành viên được mời tham gia có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản lý được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng quản lý tham dự. Nghị quyết của Hội đồng quản lý phải được trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý đồng ý thông qua. Đối với các thành viên vắng mặt được gửi lấy ý kiến tham gia bằng văn bản. Trường hợp số thành viên biểu quyết đồng ý và không đồng ý bằng nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý.

Thành viên Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm cá nhân, bảo lưu về quyết định, ý kiến của mình khi được lấy ý kiến bằng văn bản hoặc biểu quyết thông qua đối với các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều 20 của Luật Bảo hiểm xã hội và Điều 2 của Nghị định này.

Chủ tịch Hội đồng quản lý báo cáo Thủ tướng Chính phủ về những vấn đề chưa thống nhất ý kiến giữa các thành viên Hội đồng quản lý.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi kết thúc cuộc họp hoặc nhận đủ ý kiến bằng văn bản của các Thành viên Hội đồng quản lý về các nội dung xin ý kiến, nghị quyết của Hội đồng quản lý phải được ban hành và gửi đến các thành viên Hội đồng quản lý để tổ chức thực hiện; đồng thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi các cơ quan, đơn vị có liên quan để phối hợp triển khai thực hiện các nội dung có liên quan.

5. Thành viên Hội đồng quản lý có quyền yêu cầu Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam cung cấp thông tin, tài liệu về những nội dung thuộc phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng quản lý. Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin và tài liệu về những nội dung thuộc phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng quản lý theo yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản lý.

6. Các thành viên Hội đồng quản lý là đại diện của các bộ, ngành, cơ quan được hưởng chế độ thù lao và được sử dụng cán bộ, công chức, viên chức của bộ, ngành, cơ quan mình để tham mưu giúp việc.

7. Chủ tịch Hội đồng quản lý có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng, báo cáo Hội đồng quản lý ra Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý, Quy chế quy định cơ chế phối hợp công tác giữa Hội đồng quản lý với các cơ quan, tổ chức có liên quan và các quy chế khác phù hợp với quy định pháp luật; quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản lý trên cơ sở ý kiến thống nhất thông qua của Hội đồng quản lý.

Điều 5. Quan hệ của Hội đồng quản lý với các bộ, ngành, cơ quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định, Hội đồng quản lý tham gia, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

2. Các bộ, ngành, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để Hội đồng quản lý thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan.

Điều 6. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản lý

1. Bộ máy giúp việc Hội đồng quản lý là Văn phòng Hội đồng quản lý.
2. Văn phòng Hội đồng quản lý được tổ chức thành các bộ phận chức năng. Nhiệm vụ và tổ chức của Văn phòng Hội đồng quản lý do Chủ tịch Hội đồng quản lý quyết định trên cơ sở thống nhất thông qua của Hội đồng quản lý.
3. Số lượng người làm việc của Văn phòng Hội đồng quản lý do Chủ tịch Hội đồng quản lý quyết định trên cơ sở thống nhất thông qua của Hội đồng quản lý và được bố trí trong tổng số lượng người làm việc của Bảo hiểm xã hội Việt Nam được cấp có thẩm quyền giao.
4. Người làm việc tại Văn phòng Hội đồng quản lý được hưởng các chế độ, quyền lợi như người làm việc tại Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều 7. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản lý

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý và bộ máy giúp việc Hội đồng quản lý được bố trí trong dự toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
2. Chế độ thù lao, chế độ hội họp và chế độ công tác phí của thành viên Hội đồng quản lý và Hội đồng quản lý thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 72/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.
3. Việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật về chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 07 tháng 7 năm 2025.

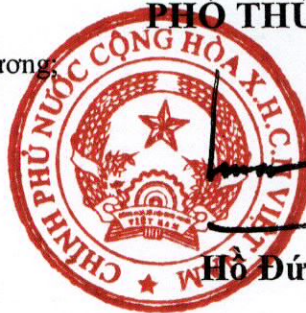
Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, các thành viên Hội đồng quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Hội đồng quản lý BHXH;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Đức Phớc